



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM**  
**THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN BKR INTERNATIONAL**  
Chuyên ngành Kiểm toán, Định giá, Tư vấn tài chính, kế toán, thuế

**CÔNG TY TNHH MTV TỔNG CÔNG TY THIẾT BỊ  
Y TẾ VIỆT NAM**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
cho năm tài chính 2013

**CÔNG TY TNHH MTV TỔNG CÔNG TY THIẾT BỊ  
Y TẾ VIỆT NAM**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
cho năm tài chính 2013



**CÔNG TY TNHH MTV TỔNG CÔNG TY THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 1 Ngõ 135 Phố Núi Trúc - Kim Mã - Ba Đình - Hà Nội

Tel: 04 38 463 512

Fax: 04 38 443 260

---

**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09
BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH	10
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 25

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Thiết bị y tế Việt Nam trình bày Báo cáo của Ban Tổng giám đốc cùng với Báo cáo tài chính năm 2013 đã được kiểm toán.

### **Khái quát chung về Tổng Công ty**

Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Thiết bị y tế Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty"), tiền thân là Doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Y tế được thành lập theo Quyết định số 720/BYT-QĐ ngày 02/5/1996 của Bộ trưởng Bộ Y tế. Tổng Công ty chính thức chuyển thành Công ty TNHH MTV do Nhà nước làm chủ sở hữu theo QĐ số 4317/QĐ – BYT ngày 16/11/2011 của Bộ Y tế và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 111335 ngày 19/10/1996 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100124376 thay đổi lần thứ nhất ngày 20/04/2012.

Theo giấy chứng nhận kinh doanh số 0100124376 thay đổi lần thứ nhất ngày 20/04/2012 thì vốn điều lệ của Tổng Công ty là: **84.949.807.017 đồng** (Tám mươi bốn tỷ chín trăm bốn chín triệu tám trăm linh bảy nghìn không trăm mười bảy đồng).

Vốn pháp định: **6.000.000.000 đồng** (Sáu tỷ đồng chẵn).

### **Cơ cấu, tổ chức**

- Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên;
- Ban Tổng giám đốc và Bộ máy giúp việc.

### **Ngành nghề kinh doanh**

- Kinh doanh xuất nhập khẩu trang thiết bị, hóa chất, dụng cụ y tế;
- Kinh doanh các loại xe ô tô kể cả xe chuyên dụng như xe cứu thương;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại;
- Kinh doanh bất động sản, kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Xây dựng công trình y tế và dân dụng./.

### **Trụ sở chính**

Trụ sở chính: Số 1 Ngõ 135 Phố Núi Trúc - Kim Mã - Ba Đình - Hà Nội

Tel: 04 38 463 512 Fax: 04 38 443 260

### **Ban Tổng giám đốc**

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc điều hành Tổng Công ty cho năm tài chính 2013 và đến ngày lập Báo cáo tài chính, gồm:

Ông Trịnh Văn Mạo	Tổng giám đốc
Ông Trần Văn Bông	Phó Tổng Giám đốc
Ông Ngô Ngọc Đức	Phó Tổng Giám đốc

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

### Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2013 của Tổng Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.

### Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng giám đốc, xét trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Tổng Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2013.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2013 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2013 và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính này hay không; và
- Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi việc tiếp tục hoạt động của Tổng Công ty không được đảm bảo.

Ban Tổng giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp, đầy đủ để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

**CÔNG TY TNHH MTV TỔNG CÔNG TY THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NAM**



Trịnh Văn Mạo

Tổng giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2014

Số: 245 -14/BC-TC/IV-VAE

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2014

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi:** Ban Tổng Giám đốc  
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Thiết bị y tế Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Thiết bị y tế Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 26/02/2014, từ trang 06 đến trang 25, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### **Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Tổng Công ty chưa thực hiện đánh giá khoản dự phòng cần thiết (nếu có) liên quan đến các khoản đầu tư tài chính dài hạn. Tại thời điểm kiểm toán, chúng tôi chưa được cung cấp báo cáo tài chính của các Công ty nhận đầu tư nêu trên nên không thể thực hiện các thủ tục kiểm toán khác để xác định có cần thiết phải lập dự phòng hoặc lượng hóa khoản dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn đối với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính 2013.

## Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ các ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo kiểm toán được lập thành sáu (06) bản bằng tiếng Việt. Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Thiết bị y tế Việt Nam giữ năm (05) bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam giữ một (01) bản. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.



**Phạm Hùng Sơn**  
Phó Tổng giám đốc  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0813-2013-034-1  
Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM**

**Đặng Thị Kim Trinh**  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1229-2013-034-1



Mẫu số B 01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
<b>A TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>74.204.993.045</b>	<b>68.497.578.701</b>
<b>I Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.01</b>	<b>57.754.619.704</b>	<b>6.764.820.651</b>
1 Tiền	111		554.619.704 ✓	6.764.820.651 ✓
2 Các khoản tương đương tiền	112		57.200.000.000 ✓	-
<b>II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.02</b>	<b>11.000.000.000</b>	<b>57.530.616.250</b> ✓
1 Đầu tư ngắn hạn	121		11.000.000.000 ✓	57.530.616.250
<b>III Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>4.956.323.542</b>	<b>3.796.233.566</b>
1 Phải thu của khách hàng	131	VIII.2.1	2.649.753.020 ✓	2.035.152.476 ✓
2 Trả trước cho người bán	132	VIII.2.2	40.316.000 ✓	378.501.500 ✓
5 Các khoản phải thu khác	135	V.03	2.266.254.522 ✓	1.382.579.590 ✓
<b>IV Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>456.132.752</b> ✓	<b>388.663.236</b> ✓
1 Hàng tồn kho	141	V.04	456.132.752	388.663.236
<b>V Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>37.917.047</b>	<b>17.244.998</b> ✓
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	17.244.998
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		16.142.962 ✓	-
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.05	7.838.384 ✓	-
4 Tài sản ngắn hạn khác	158	VIII.2.3	13.935.701 ✓	-
<b>B TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=210+220+240+250+260)	<b>200</b>		<b>28.932.626.653</b>	<b>30.756.590.737</b>
<b>I Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>1.500.000.000</b>
4 Phải thu dài hạn khác	218	V.06	-	1.500.000.000 ✓
<b>II Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>676.518.796</b>	<b>1.040.849.970</b>
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	676.518.796	1.040.849.970
- Nguyên giá	222		2.639.815.409 ✓	2.923.253.716 ✓
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.963.296.613) ✓	(1.882.403.746) ✓
<b>IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.08</b>	<b>28.101.000.000</b>	<b>28.101.000.000</b>
2 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		14.670.000.000 ✓	14.670.000.000 ✓
3 Đầu tư dài hạn khác	258		13.431.000.000 ✓	13.431.000.000 ✓
<b>V Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>155.107.857</b>	<b>114.740.767</b>
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	V.09	155.107.857 ✓	114.740.767 ✓
2 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>103.137.619.698</b>	<b>99.254.169.438</b>

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này).



Mẫu số B 01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
<b>A NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>9.983.236.702</b>	<b>7.660.548.614</b>
<b>I Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>9.983.236.702</b>	<b>7.660.548.614</b>
2 Phải trả người bán	312	VIII.2.4	1.359.475.338 ✓	1.930.709.808 ✓
3 Người mua trả tiền trước	313	VIII.2.5	-	369.000.000 ✓
4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.10	1.507.013.379 ✓	690.117.721 ✓
5 Phải trả người lao động	315		322.551.000 ✓	297.979.403 ✓
6 Chi phí phải trả	316	V.11	25.000.000 ✓	40.000.000 ✓
9 Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.12	6.584.205.277 ✓	4.041.169.724 ✓
11 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		184.991.708 ✓	291.571.958 ✓
<b>II Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
6 Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
<b>B VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)</b>	<b>400</b>		<b>93.154.382.996</b>	<b>91.593.620.824</b>
<b>I Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.13</b>	<b>93.154.382.996</b>	<b>91.593.620.824</b>
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		43.287.788.896 ✓	43.287.788.896 ✓
6 Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7 Quỹ đầu tư phát triển	417		8.908.182.412 ✓	7.737.610.783 ✓
8 Quỹ dự phòng tài chính	418		910.061.868 ✓	519.871.325 ✓
10 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		6.151.853.231 ✓	6.151.853.231 ✓
12 Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		33.896.496.589 ✓	33.896.496.589 ✓
<b>II Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>103.137.619.698</b>	<b>99.254.169.438</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Chỉ tiêu	ĐVT	Thuyết Minh	31/12/2013	01/01/2013
5 Ngoại tệ các loại	USD		1.610,34	1.621,91

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2014

CÔNG TY TNHH MTV TỔNG CÔNG TY THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NAM

Kế toán trưởng

*(Signature)*

Nguyễn Thị Hằng

Tổng giám đốc



Trịnh Văn Mạo

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này).

Mẫu số B 02 - DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

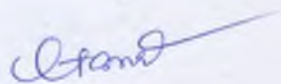
CHỈ TIÊU	Mã Số	Thuyết Minh	Năm 2013	Năm 2012
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.14	12.117.015.531	14.609.485.404
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		12.117.015.531	14.609.485.404
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.15	11.488.220.968	13.891.488.220
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		628.794.563	717.997.184
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.16	6.181.606.743	6.468.208.190
7 Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8 Chi phí bán hàng	24	VIII.2.6	62.701.889	35.414.985
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VIII.2.7	2.723.498.994	2.934.211.493
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		4.024.200.423	4.216.578.896
11 Thu nhập khác	31		681.818	28.418.245
12 Chi phí khác	32		-	-
13 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		681.818	28.418.245
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		4.024.882.241	4.244.997.141
15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.17	122.976.810	847.606.785
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		3.901.905.431	3.397.390.356

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2014

CÔNG TY TNHH MTV TỔNG CÔNG TY THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NAM

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc







Nguyễn Thị Hằng

Trịnh Văn Mạo

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này).

Mẫu số B 03 - DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		11.721.905.398	15.363.904.214
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		78.768.809.402	(12.788.768.106)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(1.180.324.000)	(1.264.140.280)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(636.134.035)	(1.068.080.792)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		3.688.978.163	3.182.469.723
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(302.063.233)	(496.918.168)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>92.061.171.695</b>	<b>2.928.466.591</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(121.665.455)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		681.818	5.454.545
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(46.530.616.250)	(54.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	51.000.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5.458.561.790	6.468.208.190
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(41.071.372.642)</b>	<b>3.351.997.280</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>50.989.799.053</b>	<b>6.280.463.871</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		6.764.820.651	484.356.780
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>V.01</b>	<b>57.754.619.704</b>	<b>6.764.820.651</b>

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2014

CÔNG TY TNHH MTV TÓNG CÔNG TY THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NAM

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hằng

Tổng giám đốc



Trịnh Văn Mạo

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này).

## BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Số còn phải nộp năm trước chuyển qua	Số phát sinh phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số còn phải nộp chuyển qua năm sau
A	B	C	1	2	3	4=1+2-3
<b>I</b>	<b>Thuế</b>	<b>10</b>	<b>688.107.222</b>	<b>201.475.620</b>	<b>813.281.356</b>	<b>76.301.486</b>
1	Thuế GTGT hàng bán nội địa	11	73.181.010	13.106.484	93.902.595	(7.615.101)
	<i>Thuế GTGT nộp thừa</i>		<i>(7.615.101)</i>	-	-	<i>(7.615.101)</i>
	<i>Thuế GTGT phải nộp</i>		<i>80.796.111</i>	<i>13.106.484</i>	<i>93.902.595</i>	-
2	Thuế GTGT hàng nhập khẩu	12	-	36.378.607	36.378.607	-
3	Thuế Tiêu thụ đặc biệt	13	-	-	-	-
4	Thuế Xuất, nhập khẩu	14	-	-	-	-
5	Thuế Thu nhập doanh nghiệp	15	597.297.095	122.976.810	636.134.035	84.139.870
6	Thuế Tài nguyên	16	-	-	-	-
7	Thuế Nhà đất	17	-	4.142.016	4.142.016	-
8	Tiền thuê đất	18	-	-	-	-
9	Các khoản thuế khác	19	17.629.117	24.871.703	42.724.103	(223.283)
	<i>Thuế môn bài</i>		-	<i>3.000.000</i>	<i>3.000.000</i>	-
	<i>Thuế thu nhập cá nhân</i>		<i>17.629.117</i>	<i>21.871.703</i>	<i>39.724.103</i>	<i>(223.283)</i>
	<i>Các loại thuế khác</i>		-	-	-	-
<b>II</b>	<b>Các khoản phải nộp khác</b>	<b>30</b>	<b>-</b>	<b>2.218.409.509</b>	<b>795.536.000</b>	<b>1.422.873.509</b>
1	Các khoản phụ thu	31	-	-	-	-
2	Các khoản phí, lệ phí	32	-	-	-	-
3	Các khoản khác	33	-	-	-	-
4	Thu điều tiết		-	-	-	-
5	Các khoản nộp phạt		-	-	-	-
6	Nộp khác		-	2.218.409.509	795.536.000	1.422.873.509
	<b>TỔNG CỘNG (40=10+30)</b>	<b>40</b>	<b>688.107.222</b>	<b>2.419.885.129</b>	<b>1.608.817.356</b>	<b>1.499.174.995</b>

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2014

CÔNG TY TNHH MTV TÔNG CÔNG TY THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NAM

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hằng



Trịnh Văn Mạo

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này).

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

### I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Thiết bị y tế Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty"), tiền thân là Doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Y tế được thành lập theo Quyết định số 720/BYT-QĐ ngày 02/5/1996 của Bộ trưởng Bộ Y tế. Tổng công ty chính thức chuyển thành Công ty TNHH MTV do Nhà nước làm chủ sở hữu theo QĐ số 4317/QĐ – BYT ngày 16/11/2011 của Bộ Y tế và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 111335 ngày 19/10/1996 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100124376 thay đổi lần thứ nhất ngày 20/04/2012.

Theo giấy chứng nhận kinh doanh số 0100124376 thay đổi lần thứ nhất ngày 20/04/2012 thì: Vốn điều lệ của Tổng Công ty là: **84.949.807.017 đồng** (*Tám mươi bốn tỷ chín trăm bốn chín triệu tám trăm linh bảy nghìn không trăm mười bảy đồng*)

Vốn pháp định: **6.000.000.000 đồng** (*Sáu tỷ đồng chẵn*)

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Tổng Công ty hoạt động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ hậu cần, kinh doanh thiết bị y tế, vật tư tiêu hao, hóa chất dùng trong gia dụng và y tế.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

- Kinh doanh xuất nhập khẩu trang thiết bị, hóa chất, dụng cụ y tế;
- Kinh doanh các loại xe ô tô kể cả xe chuyên dụng như xe cứu thương;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại;
- Kinh doanh bất động sản, kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Xây dựng công trình y tế và dân dụng./.

#### Trụ sở chính

Trụ sở chính: Số 1 Ngõ 135 Phố Núi Trúc - Kim Mã - Ba Đình - Hà Nội

Tel: (84-4) 38 463 512 Fax: (84-4) 38 443 260

### II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

#### 1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

#### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo phương pháp giá gốc, phù hợp với các quy định của Luật Kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/6/2003 và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 01 - Chuẩn mực chung.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013  
(tiếp theo)

### III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp”.

#### *Áp dụng hướng dẫn kế toán*

Riêng Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài Chính hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính chưa được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Tổng Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

#### 3. Hình thức kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng hình thức ghi sổ trên máy vi tính, sử dụng phần mềm kế toán EFFECT.

### IV. Các chính sách kế toán áp dụng

#### 1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

Khoản tương đương tiền của Công ty là khoản tiền gửi có kỳ hạn nhỏ hơn 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng, Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam và Ngân Hàng TMCP Đầu tư và PT Việt Nam CN Ba Đình được ghi nhận theo giá gốc bắt đầu từ khi phát sinh hoạt động gửi tiền.

#### *Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán*

Các khoản tiền có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá thực tế của các ngân hàng Công ty có giao dịch. Tại thời điểm kết thúc năm tài chính số dư các khoản tiền có gốc ngoại tệ đã được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái mua vào của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam công bố tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính.

#### 2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

*Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:* Hàng tồn kho được tính theo giá gốc.

*Giá gốc hàng tồn kho bao gồm:* Chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

*Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho:* Phương pháp giá đích danh.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

(tiếp theo)

**Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:** Phương pháp kê khai thường xuyên.

**Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:** Tại thời điểm 31/12/2013, Tổng Công ty không có hàng tồn kho cần trích lập dự phòng.

### 3. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp trích khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chi tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính, Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty gồm:

#### Loại tài sản cố định

#### Thời gian khấu hao <năm>

- Nhà cửa vật kiến trúc	10 - 20
- Phương tiện vận tải	10
- Thiết bị quản lý	3 - 6
- Tài sản cố định khác	5

### 4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn của Tổng Công ty là các khoản cho vay có thời hạn thu hồi dưới một năm, được ghi nhận theo giá gốc bắt đầu từ ngày cho vay.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Tổng Công ty bao gồm đầu tư vào Công ty liên kết và các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo Quyết định của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc phê duyệt chuyển các Công ty thành viên của Tổng Công ty Thiết bị y tế Việt Nam thành Công ty cổ phần và vốn góp của Tổng Công ty tại các đơn vị này được dựa trên biên bản bàn giao từ Công ty Nhà nước sang Công ty cổ phần.

#### Công ty liên kết

- Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết của Tổng Công ty là khoản góp vốn tại các đơn vị:

STT	Diễn giải	Tỷ lệ năm giữ (%)	Vốn góp thực tế (đồng)
1	Công ty Cổ phần Thiết bị y tế MEDINSCO	29,22%	5.207.000.000
2	Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng y tế	48,00%	1.536.000.000
3	Công ty Cổ phần Nhựa Y tế MEDIPLAST	48,04%	7.927.000.000
	<b>Cộng</b>		<b>14.670.000.000</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Năm 2013  
(tiếp theo)

**Đầu tư dài hạn khác**

- Các khoản đầu tư dài hạn khác là khoản góp vốn tại các đơn vị:

STT	Diễn giải	Tỷ lệ nắm giữ (%)	Vốn góp thực tế (đồng)
1	Công ty Cổ phần Đầu tư Y tế và giáo dục Việt Nam	11,13%	1.057.000.000
2	Công ty Cổ phần MERUFA	16,16%	5.940.000.000
3	Công ty CP Thương mại Đầu tư VIMEC	7,14%	4.284.000.000
4	Tổng Công ty Cổ phần Y tế DANAMECO	8,92%	2.150.000.000
	<b>Cộng</b>		<b>13.431.000.000</b>

Tại thời điểm 31/12/2013, Tổng Công ty không trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính.

**5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác**

Chi phí trả trước dài hạn được vốn hoá để phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ sau là các loại chi phí công cụ, dụng cụ và chi phí sửa chữa. Tổng Công ty thực hiện việc phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian 2 năm.

**6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Chi phí phải trả là chi phí kiểm toán, được trích trước dựa trên Hợp đồng Kiểm toán đã ký kết giữa hai đơn vị nhằm đảm bảo nguyên tắc doanh thu và chi phí.

**7. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Tổng Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay.

**8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

Doanh thu của Tổng Công ty là doanh thu hoạt động kinh doanh các thiết bị y tế, doanh thu cho thuê văn phòng và doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng và lãi cho vay.

Doanh thu hoạt động kinh doanh các thiết bị y tế được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu và sẽ thu được theo nguyên tắc dồn tích ghi nhận khi chuyển giao hàng hóa cho khách hàng, phát hành hóa đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 05 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Doanh thu dịch vụ cho thuê văn phòng được xác định khi dịch vụ hoàn thành, đã phát hành hóa đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 4 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Doanh thu từ tiền lãi tiền gửi ngân hàng và lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

(tiếp theo)

Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

### 9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

### 10. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

#### 10.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu, phải trả

Nguyên tắc xác định khoản phải thu khách hàng dựa theo hợp đồng và ghi nhận theo hoá đơn bán hàng xuất cho khách hàng.

Khoản trả trước cho người bán được hạch toán căn cứ vào phiếu chi, chứng từ ngân hàng và hợp đồng kinh tế.

Nguyên tắc xác định khoản phải trả người bán dựa theo hợp đồng, phiếu nhập kho và ghi nhận theo hoá đơn mua hàng của bên mua.

Khoản người mua trả trước được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng, phiếu thu, chứng từ ngân hàng.

Tại thời điểm 31/12/2013, Tổng Công ty không có công nợ phải thu cần trích lập dự phòng phải thu khó đòi.

#### 10.2 Các nghĩa vụ về thuế

##### *Thuế giá trị gia tăng (GTGT)*

Tổng Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất là 5% đối với cung cấp thiết bị y tế và 10% đối với hoạt động xây lắp và cung cấp dịch vụ hậu cần.

##### *Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Tổng Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

##### *Thuế khác*

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

#### 10.3 Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hoạt động kinh doanh các thiết bị y tế được ghi nhận trên cơ sở số lượng hàng xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2013

(tiếp theo)

**V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán:****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
<b>Tiền mặt</b>	<b>87.042.875</b>	<b>117.593.353</b>
<b>Tiền gửi ngân hàng</b>	<b>467.576.829</b>	<b>6.647.227.298</b>
<i>Tiền gửi ngân hàng - VND</i>	<i>434.084.488</i>	<i>6.613.491.570</i>
Ngân hàng TMCP Công thương Ba Đình	100.027.324	98.428.719
Ngân hàng TMCP Đầu tư phát triển Việt Nam Chi nhánh Ba Đình	301.359.561	6.179.769.283
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	4.657.356	4.746.737
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	27.589.061	61.792.975
Công ty CP Chứng khoán FPT	451.186	268.753.856
<i>Tiền gửi ngân hàng - USD</i>	<i>33.492.341</i>	<i>33.735.728</i>
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	33.492.341	33.735.728
<b>Các khoản tương đương tiền</b>	<b>57.200.000.000</b>	<b>-</b>
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	13.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	2.500.000.000	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư phát triển Việt Nam Chi nhánh Ba Đình	41.700.000.000	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>57.754.619.704</b>	<b>6.764.820.651</b>

**2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
<b>Đầu tư ngắn hạn khác - Cho vay</b>	<b>11.000.000.000</b>	<b>56.530.616.250</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Y tế và giáo dục Việt Nam	-	1.000.000.000
Công ty Cổ phần MERUFA	5.000.000.000	5.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư phát triển Việt Nam Chi nhánh Ba Đình	6.000.000.000	21.030.616.250
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng	-	13.000.000.000
Ngân hàng TMCP Phát triển Mê Kông - CN Hà Nội	-	2.000.000.000
Ngân hàng TMCP Hàng Hải	-	15.500.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>11.000.000.000</b>	<b>57.530.616.250</b>

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2013

(tiếp theo)

**3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
<i>Các khoản phải thu khác</i>	<b>2.091.574.522</b>	<b>996.589.590</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Y tế và giáo dục Việt Nam	728.453.062	728.453.062
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Y tế	194.336.528	194.336.528
Bệnh viện Đa khoa Tỉnh Quảng Ngãi	36.900.000	73.800.000
Trung tâm Kiểm dịch y tế Quốc tế tỉnh Quảng Trị	10.000.000	-
Lãi tiền gửi, tiền cho vay vốn phải thu đến 31/12/2013	1.052.384.932	-
Bệnh viện 74 Trung Ương	69.500.000	-
<i>Dư nợ 3388</i>	<b>174.680.000</b>	<b>385.990.000</b>
Công ty CP Đầu tư y tế và Giáo dục Việt Nam	174.680.000	174.680.000
Công ty CP Nhựa y tế MEDIPLAST	-	211.310.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.266.254.522</b>	<b>1.382.579.590</b>

**4. Hàng tồn kho**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Hàng hóa	456.132.752	388.663.236
<b>Tổng cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>456.132.752</b>	<b>388.663.236</b>

**5. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	7.615.101	-
Thuế thu nhập cá nhân	223.283	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>7.838.384</b>	<b>-</b>

**6. Phải thu dài hạn khác**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Ký quỹ tại NH TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam CN. Ba Đình	-	1.500.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>-</b>	<b>1.500.000.000</b>

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2013

(tiếp theo)

**7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư ngày 01/01/2013	2.152.640.252	449.890.500	302.722.964	18.000.000	2.923.253.716
Mua trong kỳ	-	-	-	-	-
Giảm khác (*)	(44.638.070)	-	(220.800.237)	(18.000.000)	(283.438.307)
Số dư ngày 31/12/2013	2.108.002.182	449.890.500	81.922.727	-	2.639.815.409
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư ngày 01/01/2013	1.498.074.142	287.284.117	81.045.468	16.000.019	1.882.403.746
Khấu hao trong kỳ	123.096.563	56.236.320	55.597.404	1.999.981	236.930.268
Giảm khác (*)	(43.834.858)	-	(94.202.543)	(18.000.000)	(156.037.401)
Số dư ngày 31/12/2013	1.577.335.847	343.520.437	42.440.329	-	1.963.296.613
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày 01/01/2013	654.566.110	162.606.383	221.677.496	1.999.981	1.040.849.970
Tại ngày 31/12/2013	530.666.335	106.370.063	39.482.398	-	676.518.796

- Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2013 là 299.630.000 đồng;

(\*) Giảm khác là những TSCĐ có nguyên giá dưới 30.000.000 VND được phân loại lại sang công cụ, dụng cụ theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài Chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ. Trong đó:

- Những TSCĐ có nguyên giá dưới 30.000.000 VND nhưng đã hết khấu hao vẫn còn sử dụng chuyển sang công cụ, dụng cụ là: 42.736.600 VND.

- Những TSCĐ có nguyên giá dưới 30.000.000 VND nhưng vẫn còn GTCL chuyển sang công cụ, dụng cụ là: 240.701.707 VND.

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2013

(tiếp theo)

**8. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

**a. Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết**

	31/12/2013		01/01/2013	
	Số lượng	Giá trị (VND)	Số lượng	Giá trị (VND)
Công ty Cổ phần Thiết bị y tế MEDINSCO	520.700	5.207.000.000	520.700	5.207.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng y tế	153.600	1.536.000.000	153.600	1.536.000.000
Công ty Cổ phần Nhựa Y tế MEDIPLAST	792.700	7.927.000.000	792.700	7.927.000.000
<b>Tổng cộng</b>		<b>14.670.000.000</b>		<b>14.670.000.000</b>

**b. Đầu tư dài hạn khác**

	31/12/2013		01/01/2013	
	Số lượng	Giá trị (VND)	Số lượng	Giá trị (VND)
Công ty Cổ phần Đầu tư Y tế và giáo dục Việt Nam	105.700	1.057.000.000	105.700	1.057.000.000
Công ty Cổ phần MERUFA	594.000	5.940.000.000	594.000	5.940.000.000
Công ty CP Thương mại Đầu tư VIMEC	428.400	4.284.000.000	428.400	4.284.000.000
Tổng Công ty Cổ phần Y tế DANAMECO	268.750	2.150.000.000	215.000	2.150.000.000
<b>Tổng cộng</b>		<b>13.431.000.000</b>		<b>13.431.000.000</b>

**9. Chi phí trả trước dài hạn**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chi phí công cụ, dụng cụ và chi phí sửa chữa	155.107.857	114.740.767
<b>Tổng cộng</b>	<b>155.107.857</b>	<b>114.740.767</b>

(\*) Giá trị còn lại của TSCĐ có nguyên giá không đủ điều kiện ghi nhận là TSCĐ được phân loại lại theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ là 127.400.906 VND.

Mẫu số B 09 - DN

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

(tiếp theo)

## 10. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Đơn vị tính: VND

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	75.191.509
Thuế TNDN	84.139.870	597.297.095
Thuế thu nhập cá nhân	-	17.629.117
Phải nộp khác	1.422.873.509	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.507.013.379</b>	<b>690.117.721</b>

## 11. Chi phí phải trả

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam	25.000.000	40.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>25.000.000</b>	<b>40.000.000</b>

## 12. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Phải trả về cổ phần hóa	6.445.272.404	3.952.731.314
Bảo hiểm xã hội quận Ba Đình	88.600.549	539.145
Công ty CP TMDV và Thiết bị y tế Hà Huy	10.000.000	-
Công ty TNHH sản xuất và thương mại H&C	36.900.000	73.800.000
Phải trả, phải nộp khác	3.432.324	14.099.265
<b>Tổng cộng</b>	<b>6.584.205.277</b>	<b>4.041.169.724</b>

## 13. Vốn chủ sở hữu

## 13.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ hỗ trợ sắp xếp DN	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư ngày 01/01/2012	43.287.788.896	33.896.496.589	3.246.423.451	80.430.708.936
Lãi trong năm trước	-	-	3.397.390.356	3.397.390.356
Giảm khác	-	-	491.960.576	491.960.576
Số dư ngày 01/01/2013	43.287.788.896	33.896.496.589	6.151.853.231	83.336.138.716
Lãi trong năm nay	-	-	3.901.905.431	3.901.905.431
Giảm khác	-	-	3.901.905.431	3.901.905.431
Số dư ngày 31/12/2013	43.287.788.896	33.896.496.589	6.151.853.231	83.336.138.716

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2013

(tiếp theo)

**13.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Vốn đầu tư của Nhà nước	43.287.788.896	43.287.788.896
<b>Tổng cộng</b>	<b>43.287.788.896</b>	<b>43.287.788.896</b>

**13.3 Các quỹ của doanh nghiệp**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	01/01/2013	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2013
Quỹ đầu tư phát triển	7.737.610.783	1.170.571.629	-	8.908.182.412
Quỹ dự phòng tài chính	519.871.325	390.190.543	-	910.061.868
<b>Tổng cộng</b>	<b>8.257.482.108</b>	<b>1.560.762.172</b>	<b>-</b>	<b>9.818.244.280</b>

**Mục đích trích lập các quỹ:**

- Quỹ đầu tư phát triển của Tổng Công ty được trích lập với tỷ lệ 30% từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ của Tổng Công ty bằng việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Tổng Công ty phù hợp với quy định tại điều lệ Tổng Công ty.

- Quỹ dự phòng tài chính của Tổng Công ty được dùng để bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc để bù đắp những khoản lỗ của Tổng Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị. Quỹ dự phòng tài chính được trích lập với tỷ lệ 10% từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp phù hợp với quy định tại điều lệ Tổng Công ty.

**VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh****14. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Doanh thu bán thiết bị y tế	11.914.160.077	11.705.150.239
Doanh thu lắp đặt hệ thống	-	2.663.536.556
Doanh thu cho thuê văn phòng	202.855.454	240.798.609
<b>Tổng cộng</b>	<b>12.117.015.531</b>	<b>14.609.485.404</b>

**15. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Giá vốn của thiết bị y tế đã bán	11.488.220.968	11.293.408.326
Giá vốn hoạt động lắp đặt hệ thống và thiết bị y tế	-	2.598.079.894
<b>Tổng cộng</b>	<b>11.488.220.968</b>	<b>13.891.488.220</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2013

(tiếp theo)

**16. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lãi từ tiền cho vay và tiền gửi	2.648.631.743	5.613.638.190
Cổ tức và lợi nhuận được chia	3.532.975.000	854.570.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>6.181.606.743</b>	<b>6.468.208.190</b>

**17. Chi phí thuế thu nhập hiện hành**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Doanh thu chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	14.766.329.092	20.251.541.839
Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp	14.274.421.851	16.861.114.698
Lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	491.907.241	3.390.427.141
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25%	25%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	122.976.810	847.606.785

**VIII. Những thông tin khác****1. Thông tin về các bên liên quan****1.1 Giao dịch các bên liên quan**

	Quan hệ với Tổng Công ty	Năm 2013	Năm 2012
		VND	VND
<b>Mua hàng</b>		-	150.000.000
Tổng Công ty CP Y tế Danameco	Đơn vị nhận vốn góp	-	45.400.000
Công ty Cổ phần Thiết bị y tế MEDINSCO	Công ty liên kết	-	104.600.000
<b>Bán hàng</b>		296.080.000	-
Tổng Công ty CP Y tế Danameco	Đơn vị nhận vốn góp	296.080.000	-

**1.2 Số dư các bên liên quan**

	Quan hệ với Tổng Công ty	31/12/2013	01/01/2013
		VND	VND
<b>Các khoản phải thu</b>		6.130.019.590	7.309.351.090
<b>Đầu tư ngắn hạn khác - Cho vay</b>		5.000.000.000	6.000.000.000
Công ty CP Đầu tư Y tế và giáo dục VN	Đơn vị nhận vốn góp	-	1.000.000.000
Công ty Cổ phần MERUFA	Đơn vị nhận vốn góp	5.000.000.000	5.000.000.000
<b>Phải thu khách hàng</b>		32.550.000	-
Tổng Công ty CP Y tế DANAMECO	Đơn vị nhận vốn góp	32.550.000	-



Mẫu số B 09 - DN

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

(tiếp theo)

<i>Trả trước cho người bán</i>		-	571.500
Công ty CP Thương mại và Đầu tư VIMEC	Đơn vị nhận vốn góp	-	571.500
<i>Các khoản phải thu khác - TK 138</i>		922.789.590	922.789.590
Công ty CP Đầu tư Y tế và giáo dục VN	Đơn vị nhận vốn góp	728.453.062	728.453.062
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Y tế	Công ty liên kết	194.336.528	194.336.528
<i>Các khoản phải thu khác - Dư nợ TK 338</i>		174.680.000	385.990.000
Công ty CP Đầu tư y tế và Giáo dục Việt Nam	Đơn vị nhận vốn góp	174.680.000	174.680.000
Công ty CP Nhựa y tế MEDIPLAST	Công ty liên kết	-	211.310.000
<i>Các khoản phải trả</i>		-	150.000.000
<i>Phải trả người bán</i>		-	150.000.000
Tổng Công ty CP Y tế DANAMECO	Đơn vị nhận vốn góp	-	45.400.000
Công ty Cổ phần Thiết bị y tế MEDINSCO	Công ty liên kết	-	104.600.000

## 2. Những thông tin khác

## 2.1 Phải thu khách hàng

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Bệnh viện đa khoa tỉnh Nam Định	125.300.000	1.111.018.260
Công ty CPTMDV và Thiết bị y tế Hà Huy	689.416.220	204.134.217
Trung tâm y tế dự phòng tỉnh Cao Bằng	-	569.999.999
Bộ Y tế	-	150.000.000
Tổng Công ty CP Y tế DANAMECO	32.550.000	-
Bệnh viện đa khoa huyện Thanh Thủy	32.200.000	-
Công ty TNHH Thiết bị kỹ thuật y sinh	1.375.584.000	-
Công ty TNHH Hoàn Cầu	8.996.800	-
Công ty cổ phần vật tư Thiết bị và khoa học kỹ thuật	65.100.000	-
Trung tâm phòng chống HIV/AIDS Hà Nam	320.606.000	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.649.753.020</b>	<b>2.035.152.476</b>

## 2.2 Trả trước cho người bán

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư VIMEC	-	571.500
Công ty TNHH Thiết bị y tế và khoa học kỹ thuật Hà Nội	40.316.000	-
Công ty TNHH sản xuất và thương mại H&C	-	357.930.000
Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam	-	20.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>40.316.000</b>	<b>378.501.500</b>

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2013

(tiếp theo)

**2.3 Tài sản ngắn hạn khác**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
<b>Tạm ứng</b>	<b>13.935.701</b>	-
Vũ Quang Tình	5.000.000	-
Trần Lương Tuyên	8.935.701	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>13.935.701</b>	-

**2.4 Phải trả người bán**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tổng Công ty CP Y tế DANAMECO	-	45.400.000
Công ty CP TMDV và Thiết bị y tế Hà Huy	119.500.040	1.636.967.888
Cửa hàng thiết bị y tế Twin	-	12.239.920
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Y Học	-	16.500.000
Công ty CPĐTXD Thương mại và dịch vụ du lịch THS	-	50.002.000
Công ty TNHH Thiết bị y tế Hamec	65.000.000	65.000.000
Công ty CP Chăm sóc sức khỏe Việt Gia	374.689.122	-
Công ty TNHH Thương mại dịch vụ kỹ thuật An Thái	337.460.000	-
DNTN sản xuất dịch vụ, thương mại Xuân Thắng	8.906.176	-
Công ty TNHH Thương mại và SX Thiết bị y tế Hoàng Nguyễn	361.020.000	-
Công ty TNHH Vận tải Tùng Anh	92.900.000	-
Công ty Cổ phần Thiết bị y tế MEDINSCO	-	104.600.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.359.475.338</b>	<b>1.930.709.808</b>

**2.5 Người mua trả tiền trước**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ngãi	-	369.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>-</b>	<b>369.000.000</b>

**2.6 Chi phí bán hàng**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.864.181	-
Chi phí khác bằng tiền	59.837.708	35.414.985
<b>Tổng cộng</b>	<b>62.701.889</b>	<b>35.414.985</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2013

(tiếp theo)

**2.7 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.479.602.859	1.381.074.911
Chi phí vật liệu quản lý	97.307.088	46.139.152
Chi phí đồ dùng văn phòng	121.803.015	34.988.769
Chi phí khấu hao tài sản cố định	242.784.949	228.327.896
Thuế, phí và lệ phí	6.596.016	217.163.584
Chi phí dịch vụ mua ngoài	121.131.843	259.945.677
Chi phí bằng tiền khác	654.273.224	766.571.504
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.723.498.994</b>	<b>2.934.211.493</b>

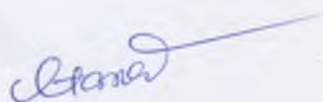
**3. Thông tin so sánh**

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính năm 2012 của Tổng Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2014

**CÔNG TY TNHH MTV TỔNG CÔNG TY THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NAM**

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hằng

Tổng giám đốc



Trịnh Văn Mạo